TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2026/HS-ST
Ngày: 15/7/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh

Ông Nguyễn Công tân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Thư ký TAND Khu vực 2 – Bắc Ninh

Đại diện VKSND Khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: ông Nguyễn Việt A – Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2026 Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 209/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2026/QĐXXST–HS ngày 30/6/2026 đối với:

Họ và tên: Hoàng Quý Q, T gọi khác: Không; Giới tính: Nam.
sinh năm 1992;Nơi cư trú: thôn C (nay là thôn M), xã H, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Họ và tên cha: Hoàng Văn V - sinh năm 1961; Họ và tên mẹ: Mai Thị M - sinh năm 1961; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai;Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HSST ngày 01/8/2017 của Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 04 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 2009, sửa đổi, bổ sung năm 2015 - chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/8/2017.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 182/2018/HSST ngày 29/10/2018 của TAND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 - chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/5/2020.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2022/HS-ST ngày 09/9/2022 của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định

tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 - chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/3/2024 tại Trại giam S- Bộ C.

- Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2026 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh B.

**** Bị hại:***

- Anh Thân Minh T1, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Ninh Quốc D, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn C, xã T, tỉnh Hải Dương;

-Bà Mai Thị M – sinh năm 1961 (có mặt);

Nơi thường trú: thôn C, xã H, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 15/3/2026, Hoàng Quý Q, một mình điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAELIM, biển kiểm soát 29AA- 114.49 đến cửa hàng điện thoại "Tâm M1" của anh Thân Minh T1 để mua điện thoại. Khi vào cửa hàng, Q yêu cầu nhân viên cho xem chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro thì anh Ninh Quốc D là nhân viên của cửa hàng đã lấy ra 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro đưa cho Q xem. Q nhận điện thoại xem, sau đó bảo anh D đổi loại điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro để Q xem. Anh D cất 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro và lấy ra 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro cho Q xem (gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, dung lượng 256GB và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu titan, dung lượng 128GB). Do chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu titan, dung lượng 128GB hết pin nên Q có đưa lại anh D để cắm sạc và cầm chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, dung lượng 256GB để xem. Trong khi Q vẫn xem điện thoại thì anh D có đi vào trong để ăn cơm trưa và bảo anh T1 ra tư vấn tiếp cho Q. Lúc này, Q thấy không có người trông coi nên Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại mà Q đang cầm xem. Q cầm chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, dung lượng 256GB đút ngay vào túi áo khoác Q đang mặc. Khi anh T1 ra tư vấn bán điện thoại cho Q nhưng không biết trước đó anh D đã lấy 02 chiếc điện thoại cho Q xem mà anh T1 nghĩ chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu titan, dung lượng 128GB đang cắm sạc là do anh D lấy ra cho Q xem nên đã rút sạc rồi đưa cho Q xem và tư vấn. Sau khi nói chuyện một lúc, Q thấy anh T1 không biết chiếc điện thoại mình đang xem nên Q đã giả vờ hỏi anh T1 giá chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu titan, dung lượng 128GB thì anh T1 nói giá 16.500.000 đồng. Q đồng ý mua và đặt cọc số tiền 100.000 đồng và bảo anh T1 chiều sẽ quay lại mua chiếc điện thoại và trả số tiền còn lại thì anh T1 đồng ý. Sau đó, Q ra

khỏi cửa hàng và mang chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, dung lượng 256GB cất giấu trong người, Q điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAELIM, biển kiểm soát 29AA- 114.49 đi theo đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang hướng về thành phố Hà Nội. Khi đi đến khu vực gần cầu T thì Q gặp một người đàn ông không quen biết (khoảng hơn 40 tuổi, cao khoảng 1,70m, đi ô tô loại 07 chỗ màu đỏ) đang đứng ở lề đường, Q hỏi người này có mua điện thoại không và đưa chiếc điện thoại chiếm đoạt được cho người này xem thì người này đồng ý mua và trả cho Q số tiền 10.300.000 đồng tiền mặt. Số tiền bán điện thoại chiếm đoạt được Q đã dùng ăn tiêu cá nhân hết.

Đến sáng ngày 16/3/2026, anh Thân Minh T1 kiểm tra lại hàng tồn thì thấy bị thiếu 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, dung lượng 256GB; anh T1 kiểm tra lại camera an ninh thì phát hiện Q là người đã lấy trộm chiếc điện thoại tại cửa hàng mình;

Cùng ngày 16/3/2026, anh T1 làm đơn trình báo Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh về việc ngày 15/3/2026 bị kẻ gian trộm cắp mất 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, dung lượng 256GB;

Ngày 17/3/2026, nhận thấy hành vi phạm tội bị phát hiện, Hoàng Quý Q đã đến Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Khi đầu thú Q giao nộp 01 chiếc áo màu nâu, sau lưng áo có họa tiết màu trắng; 01 chiếc mũ bảo hiểm màu vàng, có kính chắn gió; chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAELIM, biển kiểm soát 29AA- 114.49;

Ngày 17/3/2026, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường và trích xuất, thu giữ hình ảnh video tại cửa hàng điện thoại "Tâm M" địa chỉ Tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh ghi lại diễn biến vụ việc Q trộm cắp điện thoại tại cửa hàng. Tiến hành cho Hoàng Quý Q xem lại video thu giữ, kết quả: Quốc xác định Q là người trong video đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, dung lượng 256GB tại cửa hàng điện thoại "Tâm Mobile" ngày 15/3/2026;

Ngày 17/3/2025, Cơ quan điều tra tiến hành cho anh Thân Minh T1, anh Ninh Quốc D và Hoàng Quý Q nhận dạng qua ảnh đối với nhau, kết quả: Anh T1 và anh D đều nhận dạng được Q là người đã có hành vi trộm cắp chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu tràng, dung lượng 256GB tại cửa hàng điện thoại "Tâm M1" ngày 15/3/2026; Q nhận dạng được anh T1 và anh D;

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28 ngày 25/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường N, tỉnh Bắc Ninh, kết luận: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, dung lượng 256GB tại thời điểm ngày 15/3/2026 trị giá 16.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 108/CT – VKS – KV2 ngày 25/6/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Hoàng Quý Quốc ra trước Toà án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố là đúng, không oan, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật.

Bị hại và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Quý Q từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2026; Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày tính từ ngày tuyên án (17/3/2026).

-**Về vật chứng:** Áp dụng điểm a Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo màu nâu, sau lưng áo có họa tiết màu trắng và 01 chiếc mũ bảo hiểm màu vàng, có kính chắn gió; Trả lại bà Mai Thị M, sinh năm 1961, trú tại thôn C, xã H 01 (một) chiếc xe nhãn hiệu DAELIM, biển kiểm soát 29AA- 114.49;

-**Về trách nhiệm dân sự:** Áp Dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 589 BLDS buộc bị cáo Hoàng Quý Q phải bồi thường cho anh Thân Minh T1 số tiền: 15.900.000đ;

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án buộc bị cáo Hoàng Quý Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 795.000.000đ án phí DSST;

Bị cáo không có ý kiến đối đáp với bản luận tội của Kiểm sát viên;

Lời nói sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà vắng mặt bị hại và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt họ không ảnh

hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

[3] Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 15/3/2026, tại cửa hàng điện thoại "Tâm M1" của anh Thân Minh T1, sinh năm 1995, trú tại Tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh; Hoàng Quý Q đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự khi chưa được xóa án tích, thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, dung lượng 256GB, trị giá 16.000.000 đồng của anh Thân Minh T1.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng số: 108/CT-VKS – KV2 ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo là có căn cứ.

[4]. Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài, sinh sống bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh trật tự xã hội và quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân, bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh T1 thì bị cáo chưa được xóa án tích. Vì thế, HĐXX nhận thấy, cần phải áp dụng Điều 38 BLHS để cách ly bị cáo Hoàng Quý Q ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 2 – Bắc Ninh là có căn cứ. Tuy nhiên, khi lượng hình cần đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo là cần thiết.

[5]. Xét về nhân thân Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX nhận thấy:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đến Công an đầu thú. Ngoài ra Q có thời giam tham gia nghĩa vụ quân sự và có ông nội là liệt sỹ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Về Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản tích lũy nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là có căn cứ.

[7].Về trách nhiệm dân sự: Anh Thân Minh T1 yêu cầu Hoàng Quý Q phải bồi thường số tiền 16.000.000 đồng. HĐXX nhận thấy, bị cáo đã bán chiếc điện thoại của

anh T1, số tiền bán điện thoại bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Tuy nhiên, trước đó Q đã đưa trước cho anh T1 100.000đ nên cần trừ vào số tiền Q còn phải bồi thường cho anh T1 là 15.900.000đ để Q có nghĩa vụ trả cho anh T1 là có căn cứ;

[8]. Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAELIM, biển kiểm soát 29AA- 114.49 là tài sản của bà Mai Thị M, sinh năm 1961, trú tại thôn C, xã H, tỉnh Hưng Yên (là mẹ đẻ Q) cho Quốc mượn làm phương tiện đi lại. tại phiên tòa bà Minh xác N bà không biết Q dùng xe máy của bà để làm phương tiện trộm cắp. Bà đề nghị HĐXX tuyên trả cho bà chiếc xe nhãn hiệu DAELIM, biển kiểm soát 29AA- 114.49. Vì thế, HĐXX nhận thấy, chiếc xe là tài sản hợp pháp của bà M nên cần tuyên trả lại chiếc xe cho bà M là có căn cứ;

- Các tài sản của Q gồm: 01 chiếc áo màu nâu, sau lưng áo có họa tiết màu trắng và 01 chiếc mũ bảo hiểm màu vàng, có kính chắn gió là những đồ vật cá nhân của Q sử dụng khi thực hiện hành vi phạm. Tại phiên tòa bị cáo không đề nghị xin lại. HĐXX xác định các tài sản trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là có căn cứ;

-Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, dung lượng 256GB, Q khai bán cho người đàn ông không quen biết nên Cơ điều tra không có căn cứ xác minh, truy tìm vật chứng để xử lý là có căn cứ;

[9]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[10]. Về quyền kháng cáo: cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo; bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được biết là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Quý Q 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2026; Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày tính từ ngày tuyên án (17/3/2026).

-**Về vật chứng:** Áp dụng điểm a Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo màu nâu, sau lưng áo có họa tiết màu trắng và 01 chiếc mũ bảo hiểm màu vàng, có kính chắn gió;

+ Trả lại bà Mai Thị M, sinh năm 1961, trú tại thôn C, xã H 01 (một) chiếc xe nhãn hiệu DAELIM, biển kiểm soát 29AA- 114.49;

-**Về trách nhiệm dân sự:** Áp Dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 589 BLDS buộc bị cáo Hoàng Quý Q phải bồi thường cho anh Thân Minh T1 số tiền: 15.900.000đ;

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án buộc bị cáo Hoàng Quý Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 795.000.000đ án phí DSST;

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh
- VKSND Khu vực 2 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Hương Lan